

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 10- 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ
chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Châu

2. Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 tháng 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Hoàng Quốc Th, sinh năm 19xx (vắng mặt, nhưng ông Thịnh có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường TVB, khóm B1, phường B 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần A (tên viết tắt: A1)

Trụ sở chính: Số T đường T1, phường T5, Quận T2, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành N; Chức vụ: Nhân viên (có mặt)

Địa chỉ: Lầu C, Tòa nhà C1 Tower C2, phường C11, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2020 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh K và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Hoàng Quốc Th tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 180/2007, quyển số 01 ngày 12 tháng 11 năm 2007. Trong thời gian chung sống ông bà có một người con chung là cháu Hoàng Minh Kh (nam, sinh ngày 15 tháng 8 năm 20xx) hiện đang sống chung với bà K. Thời gian đầu vợ chồng cùng nhau làm ăn, buôn bán để nuôi con, nhưng thời gian sau ông Th ra làm ăn buôn bán riêng nên thường đi chơi với bạn bè mà không còn quan tâm đến vợ con, cho dù đã nhiều lần nhắc nhở và khuyên can để vợ chồng cùng lo làm ăn, xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng ông Th vẫn không chịu nghe lời khuyên.

Từ đó bà K nhận thấy tính tình trong cuộc sống giữa vợ chồng hoàn toàn trái ngược nhau, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn ngày càng gay gắt, dẫn tới vợ chồng nhiều lần mâu thuẫn vào tháng 05 năm 2019 bà K đã làm đơn thuận tình ly hôn nhưng ông Th không chịu ký. Đến tháng 09 năm 2019 bà K đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện để hàn gắn tình cảm. Đến tháng 01 năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Khi ly thân ông Th về nhà cha mẹ ở từ đó cho đến nay, còn bà và cháu Kh ở tại địa chỉ số A đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Nhận thấy, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Quốc Th.

Về con chung: Bà K yêu cầu được nuôi con chung là cháu Hoàng Minh Kh (nam, sinh ngày 15 tháng 8 năm 20xx) hiện đang sống chung với bà tại số A đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Bà đồng ý cho ông Th được quyền thăm non con chung theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tháng 9 năm 2019 khi nộp đơn ly hôn ông bà không có nợ chung, bà đã để đơn khởi kiện này nộp lại vì vậy theo đơn cũ là không có nợ

chung. Nhưng ngày 09 tháng 9 năm 2019 bà và ông Th có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần A, Chi nhánh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Trong số tiền đã vay nêu trên 1.100.000.000 đồng bà đưa cho ông Th hùn vốn làm ăn với một người bạn ở Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 200.000.000 đồng bà K đã hùn vốn với chị ruột để làm ăn. Còn số tiền 200.000.000 đồng bà đưa ông Th kinh doanh đầu nhót riêng. Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên bà có thể chấp 01 tài sản riêng của là diện tích đất ngang trước và ngang sau đều 10 mét chiều dài là 50 mét tọa lạc tại đường T, phường T4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Đối với khoản nợ nêu trên ông bà đã trả nợ đầy đủ và đã được Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập bà đồng ý và không có khiếu nại gì.

* Tại Biên bản hòa giải ngày 27 tháng 3 năm 2020 và tại Đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn là ông Hoàng Quốc Th đều trình bày:

Tại Biên bản hòa giải bị đơn T trình bày, ông thống nhất với lời trình bày nêu trên của bà Nguyễn Thị Thanh K về thời gian kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn, con chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cũng như thời gian sống ly thân như bà K trình bày là đúng sự thật. Trong thời gian chung sống ông bà có một người chung tên Hoàng Minh Kh (nam, sinh ngày 15 tháng 8 năm 20XX) hiện đang sống chung với bà K tại số A đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ông không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án cho thời gian hết tháng 9 năm 2020 để hàn gắn tình cảm vợ chồng và có thời gian để giải quyết số nợ, cũng như các khoản làm ăn mà vợ chồng đã đầu tư bên ngoài. Nếu hết thời gian nêu trên vợ chồng không hàn gắn được và phải ly hôn ông đồng ý giao cháu Kh hiện đang sống chung với bà K cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi. Ông không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Ông và bà K có ký 03 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh Sóc Trăng để vay số tiền cụ thể: Hợp đồng số SOC.CN.2350.050919 ngày 09/9/2019 vay số tiền 530.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 08/3/2020 đến ngày 07/9/2020, lãi suất cho vay 9.80%/năm. Ông và bà K đã nhận đủ số tiền 530.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 304504259 ngày 07/3/2020 của Ngân hàng.

Hợp đồng số SOC.CN.2350.050919 ngày 09/9/2019 vay số tiền 480.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 06/3/2020 đến ngày 05/9/2020, lãi suất cho vay 9.80%/năm. Ông và bà K đã nhận đủ số tiền 480.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 304311699 ngày 05/3/2020 của Ngân hàng.

Hợp đồng số SOC.CN.2350.050919 ngày 09/9/2019 vay số tiền 490.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 10/3/2020 đến ngày 09/9/2020, lãi suất cho vay 9.80%/năm. Ông và bà K đã nhận đủ số tiền

490.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 304607739 ngày 09/3/2020 của Ngân hàng. Tổng số tiền của các hợp đồng nêu trên là 1.500.000.000 đồng, ngoài ra còn số tiền 450.000.000 đồng mà vợ ông đã đứng ra vay dùm cho cháu là Nguyễn Thị Thanh Ng mượn đến ngày 27/4/2020 là đến ngày hết hạn của hợp đồng, vợ chồng ông cũng vay của Ngân hàng A chi nhánh Sóc Trăng.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ông Th trình bày, ông đồng ý ly hôn và tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và nợ riêng, không có. Ông đồng ý cho bà K tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà K không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con ông đồng ý. Ông đề nghị được quyền thăm nom con chung.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần A (tên viết tắt: A1) trình bày:

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2020 Ngân hàng Thương mại cổ phần A (viết tắt là: Ngân hàng) có làm đơn yêu cầu độc lập về việc yêu cầu ông Hoàng Quốc Th và bà Nguyễn Thị Thanh K phải trả ngay cho Ngân hàng tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 21 tháng 4 năm 2020 là 1.529.507.119 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 1.511.389.201 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.117.918 đồng và để đảm bảo cho khoản vay nêu trên ông Th và bà K đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số A, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: khóm A6, phường A9, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng thuộc sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị Thanh K. Nếu ông Th và bà K không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với các yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã làm đơn rút đơn yêu cầu độc lập vào ngày 29 tháng 7 năm 2020 vì ông Th và bà K đã trả đầy đủ các khoản nợ nêu trên xong và đã được Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập số 62/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 đối với quyết định này Ngân hàng đồng ý và không có ý kiến gì.

* *Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh K và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần A là ông Nguyễn Thành N đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn là ông Hoàng Quốc Th vắng mặt, tuy nhiên ông Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt và việc vắng mặt của ông Th là có lý do chính đáng vì vậy, ông Th đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà K, về việc xin ly hôn với ông Hoàng Quốc Th, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, còn về tài sản chung

trong quá trình giải quyết vụ án bà K và ông Th đều tự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung đã được các đương sự thanh toán xong cho Ngân hàng và đã được Tòa án đình chỉ bằng Quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập số 62/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020 đối với quyết định này hiện đã có hiệu lực pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Hoàng Quốc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, tuy nhiên tại Đơn xin xét xử vắng mặt ông Th đã đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 và Khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông Th kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân phường T3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12 tháng 11 năm 2007, nên quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông Th là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”. Như vậy, bà K có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Th.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà K, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, bà K và ông Th cũng có thời gian chung sống hạnh phúc bên nhau từ năm 2007 đến tháng 5 năm 2019. Tuy nhiên, tháng 9 năm 2019 bà K đã nộp đơn xin ly hôn ông Th tại Tòa án và bà đã rút đơn đề hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông bà vẫn hàn gắn được tình cảm mà còn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tháng 01 năm 2020 mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng không thể hàn gắn được và đã sống ly thân từ đó cho đến nay, tại phiên tòa bà K kiên quyết ly hôn với ông Th. Như vậy, bà K và ông Th đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà K là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà K ly hôn với ông Th.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh Kh (nam, sinh ngày 15 tháng 8 năm 20xx) cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ông Th và bà K sống ly thân cho đến nay cháu Kh đều do bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng về tâm lý phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Kh thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ và cũng tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13 tháng 10 năm 2020 bị đơn Hoàng Quốc Th cũng đồng ý giao cháu Kh cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*” chấp nhận yêu cầu của bà K giao cháu Hoàng Minh Kh (nam, sinh ngày 15 tháng 8 năm 20xx) cho bà K được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Đáng lẽ ra, ông Thịnh là người không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà K không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ngoài ra, Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 còn quy định: “*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*”. Như vậy, ông Th là người không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung: Bà K và ông Th đều tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ông Th và bà K đều trình bày là không có nợ chung, vì ông bà đã thanh toán hết số tiền nợ Ngân hàng, Ngân hàng cũng đã rút đơn yêu cầu độc lập và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập số 62/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020 đối với quyết định này đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh K và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà K là người xin ly hôn nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh K

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh K và ông Hoàng Quốc Th.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung tên cháu Hoàng Minh Kh (nam, sinh ngày 15 tháng 8 năm 20xx) hiện đang sống chung với bà K cho bà Nguyễn Thị Thanh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra để xem xét.

2.3. Ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ông Th thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung: Bà K và ông Th đều tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà K và ông Th đã thanh toán hết số tiền nợ Ngân hàng và đã được Tòa án tiến hành đình chỉ tại Quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập số 62/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020 đối với quyết định nêu trên đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà K phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001705 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND phường A3;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ